

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 06/5/2022

V/v: Tranh chấp: Ly hôn, nuôi
con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và ông Nguyễn Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lương Sơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn
mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST- HNGĐ ngày
16/02/2022 về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số
08/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06
/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1993

HKTT: Xóm LK, xã C, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Nguyễn Văn S, sinh năm 1988

HKTT: Xóm S, xã N, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/02/2022 và trong quá trình tố tụng tại
tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Sn kết hôn trên cơ sở tự tình hiểu tự nguyện và có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện LS, tỉnh Hòa Bình cấp ngày
08/3/2011.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2021
vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S hay rượu chè, không có lập
trường, có lời nói xúc phạm đến chị dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, sống
không hạnh phúc nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân không quan

tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng chị không còn tình cảm với anh S nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh ngày 16/5/2017. Hiện các con đang ở với chị, chị xin được nuôi hai con và chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận – không yêu cầu Tòa giải quyết

Về công nợ chung: Không có.

* Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Kiều tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Kiều hay đi làm về khuya dẫn đến vợ chồng tranh cãi nhau nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc, hiện chị K về ở với mẹ đẻ ở xóm LK, xã C, huyện LS, tỉnh Hòa Bình, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 01/2022 không quan tâm đến nhau nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị K. Nay chị K có đơn ly hôn anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh ngày 16/5/2017. Chị K cương quyết ly hôn anh, anh xin nuôi hai con và chưa yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận – không yêu cầu Tòa giải quyết

Về công nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh của chính quyền địa phương thôn S, xã N, huyện LS cho biết: Chị K và anh S là vợ chồng và sinh sống tại thôn S xã N, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Mâu thuẫn vợ chồng chị K anh S như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Anh S và chị K đã ly thân nhau, hiện chị K và các con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị K có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với anh S đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai của con chưa thành niên từ đủ 7 tuổi là cháu Nguyễn Thị Như Q có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị K.

Tại phiên tòa hôn nay chị Nguyễn Thị K giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt .

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân

dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự được bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng luật định, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đã đảm bảo, các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng. Vụ án được giải quyết và đưa ra xét xử, hoãn phiên tòa, giao hồ sơ cho VKS nghiên cứu kiểm sát đúng thời hạn luật định theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 53; điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn S

Về con chung: Giao chị Kiều trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục 2 con Nguyễn Thị Như Q và Nguyễn Thị Mỹ Ch cho đến khi 2 con Q và Ch đủ 18.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu nên không đề cập

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận – không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Không có;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị K yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn S đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Văn S có địa chỉ cư trú tại xóm S, xã N, huyện LS, tỉnh Hòa Bình nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Phiên tòa lần thứ nhất ngày 20/4/2022, nguyên đơn và bị đơn được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh S vắng mặt không có lý do để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 233, Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của pháp luật, do vậy hôn nhân giữa chị K và anh S là hôn nhân hợp pháp. Xét quá trình chung sống của vợ chồng chị K và anh S nhận thấy: Sau kết hôn cuộc sống chung, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên bắt đầu từ năm 2021 cho đến nay thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân do anh S hay rượu chè, xúc phạm chửi chị K dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Anh S thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, hiện vợ chồng sống ly thân như chị K trình bày, nhưng bản thân anh vẫn còn tình cảm, thương yêu chị K nên anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù tòa đã kiên trì hòa giải đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Chị K không thay đổi quan điểm giải quyết và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh S cũng không có biện pháp khắc phục cải thiện mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, kết quả hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, phát biểu của Kiểm sát viên. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị K, anh S đã trầm trọng, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn S theo quy định tại Điều 51, khoản 1 điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị K và anh S có 02 con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh ngày 16/5/2017. Chị K và anh S đều có nguyện vọng xin nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét nguyện vọng nuôi con của chị K và anh S là hoàn toàn chính đáng. Tại bản tự khai cháu Q có nguyện vọng ở với chị K, hiện các cháu đều đang ở với chị K, chị K có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ. Anh S có nguyện vọng nuôi con nhưng không đến Tòa làm việc, tại phiên tòa hôm nay anh S cũng vắng mặt nên không thể giao con cho anh S nuôi dưỡng vì vậy Hội đồng xét xử giao chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục 2 con Nguyễn Thị Như Q và Nguyễn Thị Mỹ Ch cho đến khi cháu Q và Ch đủ 18 tuổi theo quy định tại điều 58, Điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập.

Anh S có quyền thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở .

Chị K, anh S được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng đều khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[2.4] Về công nợ chung: Không có nên không đề cập.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng 2015

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh ngày 16/5/2017 cho đến khi cháu Q và cháu Ch đủ 18 tuổi. Chị K chưa yêu cầu anh Sơn phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh S được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Chị K, anh S được quyền xin thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận – Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Công nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 003356 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

ơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện LS;
- THADS huyện LS;
- UBND xã LS;
- Các DS;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Mai

